| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ R G**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 89/2025/HS-ST
Ngày: 20.3.2025

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Tấn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

2. Bà Hà Thị Thủy.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

**Trần Văn T**, sinh ngày 20/3/1993; Nơi sinh: Huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số E, tổ A, đội C, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N và bà Trần Thị T1; Có vợ: Nguyễn Kim N1; Con: 01 người sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/11/2024 cho đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Người bị hại:* Phan Hoàng Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số C, đường D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Nguyễn Kim N1, sinh năm 1993. (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, tổ A, đội C, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị T1, sinh năm 1969. (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, tổ A, đội C, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Ông Nguyễn Tấn T2 – Người đại diện Công ty TNHH K.

Địa chỉ: Số G, đường L, Phường B, thành phố V. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào thời gian đầu năm 2024 Trần Văn T khi còn đang là Giám đốc Showroom Vinfast tỉnh K thì ông Phan Hoàng Đ, sinh năm 1986, nơi thường trú: Số C, đường D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang có mối quan hệ quen biết với T từ trước và ông Đ có nhu cầu mua xe ô tô điện Vinfast VF3 để sử dụng nên nhờ T tư vấn mua xe VF3 màu xanh dương nhạt SR85A0 VG3615635 với giá 253.450.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã bao gồm toàn bộ các chi phí bảo hiểm, biển số, thuê pin và các dịch vụ kèm theo cho đến khi xe lăn bánh. Sau khi nghe T tư vấn thì ông Đ đồng ý mua xe và được T hướng dẫn chuyển tiền vào tài khoản số 19035071948012 là tài khoản cá nhân của T mở tại Ngân hàng T3 để đặt cọc với số tiền 15.000.000 đồng và ngày 09/5/2024 ông Đ đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T. Do tin tưởng T vì giữa T và ông Đ có quen biết từ trước nên chỉ chuyển tiền mua xe chứ không có làm giấy xác nhận đã đặt cọc mua xe từ Công ty K. Sau khi được ông Đ chuyển khoản đã có tiền trong tài khoản nhưng T không chuyển tiền vào đặt cọc mua xe trong Công ty K mà dự định mua xe đại lý bên ngoài để giao xe sớm cho ông Đ. Sau khi nhận được tiền cọc của ông Đ do đang bị nợ ngoài xã hội đòi nên Thanh nãy sinh ý định chiếm đoạt và đã chiếm đoạt hết số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) của ông Đ để trả nợ bên ngoài.

Sau khi đã chiếm đoạt được số tiền đặt cọc của ông Đ thì T tiếp tục nãy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt số tiền M còn lại nên T đã yêu cầu ông Đ chuyển toàn bộ số tiền mua xe còn lại cho T để được nhận xe sớm. Do tin tưởng T nên ông Đ tiếp tục làm theo hướng dẫn của T chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T với số tiền còn lại là 238.450.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Vào ngày 14/7/2024 ông Đ đã chuyển thanh toán đủ số tiền còn lại theo yêu cầu của ông T, cũng vào tài khoản cá nhân của T mở tại Ngân hàng T3, số tài khoản là 19035071948012. Sau khi có tiền từ ông Đ chuyển nhờ mua xe thì T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 04/8/2024, xe VF3 có trưng bày tại Showroom V tỉnh Kiên Giang nên ông Đ qua xem đồng thời hỏi nhân viên

tư vấn khi nào được nhận xe thì nhân viên tư vấn kiểm tra danh sách khách hàng đặt cọc mua xe cũng như danh sách khách hàng đã trả đủ tiền mua xe thì không có tên ông Đ trong danh sách khách đặt mua xe, ông Đ liên hệ thì T hứa sẽ có xe giao cho ông Đ nhưng ông Đ không tin mà yêu cầu T trả lại tiền thì T chỉ hứa hẹn chứ không trả lại tiền. Ông Đ nhiều lần liên hệ T gặp mặt để giải quyết thì T chỉ hứa hẹn và cố tình lẫn tránh, không trả lại tiền nên ông Đ đã làm đơn tố giác hành vi phạm tội của T đến cơ quan Công an. Tổng số tiền Trần Văn T đã chiếm đoạt của ông Phan Hoàng Đ đặt cọc và thanh toán tiền mua xe là 253.450.000 đồng (Trong đó, 15.000.000 đồng tiền đặt cọc mua xe và 238.450.000 đồng thanh toán số tiền mua xe).

Ngày 28/10/2024, Trần Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R khởi tố và ra lệnh bắt bị can để tạm giam. Ngày 01/11/2024 bắt được bị can và tạm giam cho đến nay. Trong quá trình điều tra và truy tố đã xác định được Trần Văn T chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cùng với gia đình tự nguyện khắc phục một phần hậu quả đã gây ra.

** Về tài liệu, đồ vật thu giữ*: Không.

*Tại bản Cáo trạng số:* 36/CT-VKS ngày 02/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

*Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 và điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và mức án từ 07 đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt theo quy định.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung do hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có mức thu nhập ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Phan Hoàng Đ yêu cầu bị cáo Trần Văn T trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt từ việc ông Đ đặt cọc và trả tiền mua xe là 253.450.000 đồng. Bị cáo T đã trả lại được một phần số tiền đã chiếm đoạt tiền là

103.000.000 đồng; số tiền còn lại là 150.450.000 đồng bị cáo đồng ý trả đầy đủ nhưng đến nay vẫn chưa có tiền trả

*Tại phiên tòa*:

+ Bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến gì khác.

+ Người bị hại là ông Phạm Hoàng Đ1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn xét xử vắng mặt ngày 10/3/2025 ông Đ1 thể hiện quan điểm: Về trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều thống nhất với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G và các nội dung đã trình bày trong quá trình điều tra.

*Tại phần nói lời sau cùng bị cáo T trình bày*: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sữa chữa sai lầm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, được xác định là hợp pháp.

*[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trần Văn T là Nhân viên Công ty TNHH K. Công ty có đăng ký hoạt động chi nhánh tại Kiên Giang

với tên gọi S tỉnh Kiên Giang. Trần Văn T được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc S từ tháng 12/2023, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của S. Trần Văn T với Phan Hoàng Đ là bạn bè thân thích. Lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của ông Phan Hoàng Đ, khi ông Đ có nhu cầu mua xe ô tô điện Vinfast VF3 để sử dụng nên nhờ T tư vấn. Sau khi nghe T tư vấn thì ông Đ đồng ý mua xe VF3 màu xanh dương nhạt với giá 253.450.000 đồng và được T hướng dẫn chuyển tiền đặt cọc mua xe 15.000.000 đồng vào tài khoản số 19035071948012 là tài khoản cá nhân của T mở tại Ngân hàng T3. Vào ngày 09/5/2024 ông Đ đã chuyển tiền số tiền 15.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Tại thời điểm này, do Trần Văn T đang bị nợ ngoài xã hội đòi nên sau khi nhận được tiền từ ông Đ thì T không sử dụng số tiền trên vào việc đặt cọc mua xe ô tô điện Vinfast VF3 mà nãy sinh ý định chiếm đoạt và đã chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của ông Đ để trả nợ cá nhân. Sau khi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt được 15.000.000 đồng từ ông Đ thì T tiếp tục nãy sinh ý định lừa đảo ông Đ để chiếm đoạt số tiền mua xe còn lại nên đã yêu cầu ông Đ chuyển toàn bộ số tiền mua xe còn lại là 238.450.000 đồng cho T để được nhận xe sớm. Vì tin tưởng nên ông Đ tiếp tục làm theo hướng dẫn của T, vào ngày 14/7/2024 ông Đ đã chuyển thanh toán đủ số tiền còn lại 238.450.000 đồng vào số tài khoản cá nhân của Trần Văn T. Sau khi có tiền từ ông Đ chuyển nhờ mua xe thì T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 238.450.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền trên dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân đến hết. Đến ngày 04/8/2024, xe VF3 có trưng bày tại Showroom V tỉnh Kiên Giang nên ông Đ qua xem đồng thời hỏi nhân viên tư vấn khi nào được nhận xe thì nhân viên tư vấn kiểm tra danh sách khách hàng đặt cọc mua xe cũng như danh sách khách hàng đã trả đủ tiền mua xe thì không có tên ông Đ trong danh sách khách đặt mua xe. Ông Đ nhiều lần liên hệ T gặp mặt để giải quyết thì T chỉ hứa hẹn và cố tình lẫn tránh, không trả lại tiền nên ông Đ đã làm đơn tố giác hành vi phạm tội của T đến cơ quan Công an.

Như vậy, số tiền Trần Văn T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Phan Hoàng Đ số tiền là 15.000.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền là 238.450.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt của ông Đ là 253.450.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn T đủ yếu tố cấu thành tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 theo như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

*[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của

mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin, sự tin tưởng của người bị hại giành cho mình rồi bằng thủ đoạn gian dối để người bị hại tin tưởng, tự nguyện giao tiền, sau đó bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến không còn khả năng chi trả lại. Hành vi của bị cáo không chỉ làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, mà còn làm tăng thêm sự phức tạp tình hình trật tự trị an ở địa phương và thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, nhằm có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho kẻ khác, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

*[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo*:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra bị cáo đã tích cực vận động gia đình, người thân bồi thường theo yêu cầu của người bị hại số tiền là 103.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại do bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc không có tiền án, tiền sự; người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

*[6] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.*

Xét thấy, bị cáo Trần Văn T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tặng nặng, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

*[7]* Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Về mức hình phạt, đại diện Viển kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và mức án từ 07 đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Nhận thấy, như đã nhận định nêu trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tặng nặng, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, đã bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, HĐXX thống nhất áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, cũng đủ răn đe, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

*[8]* Về hình phạt bổ sung: Theo quy định thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*[10] Về các vấn đề khác:*

- *Về vật chứng và xử lý vật chứng:* Không.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền là 103.000.000 đồng. Người bị hại ông Phan Hoàng Đ không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

**2.** Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/11/2024.

**3.** Về vật chứng và xử lý vật chứng: Không.

**4.** Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại. Người bị hại ông Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm, HĐXX miễn xét.

**5.** Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Trần Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

**6.** Quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".*

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Kiên Giang;*
*- VKSND TP. R G;*
*- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;*
*- Công an TP. R G;*
*- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;*
*- Bị cáo;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Tấn Nghĩa**